

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Quản trị tài chính(Tài chính doanh nghiệp) - 1104014

Mã lớp học phần: 110401405

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Ngày thi: 17/12/2014

Giờ thi: 07h30

Phòng thi: A1.9

Giám thị 1:

Giám thị 2:

Giám thị 3:

Giám thị 4:

Ký tên:

Ký tên:

Ký tên:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210090601	Lê Đỗ Thục Anh	18/07/1994			7	Bảy	C14QT5	
2	1210090481	Phạm Ngọc Châm	07/01/1994			9	Chín	C14QT5	
3	1210090483	Trần Thị Thu Hằng	28/07/1994			4	Bốn	C14QT5	
4	1210090484	Nguyễn Thị Thái Huyền	23/07/1994			5	Năm	C14QT5	
5	1210090602	Vương Phương Thảo	13/09/1994			6	Sáu	C14QT5	
6	1210090486	Hoàng Mai Thi	12/05/1994			5	Năm	C14QT5	
7	1210090487	Cao Thị Bé Thùy	05/11/1994			6	Sáu	C14QT5	
8	1210090488	Trần Thị Hồng Thủy	26/02/1994			9	Chín	C14QT5	
9	1210090489	Trương Thị Bích Thủy	05/01/1994			9	Chín	C14QT5	
10	1210090498	Đinh Thị Thủy Tiên	01/11/1994			9	Chín	C14QT5	
11	1210090497	Nguyễn Nữ Nhật Tiên	19/09/1993			8	Ba	C14QT5	
12	1210090499	Phạm Thị Mỹ Tiên	26/04/1994			9	Chín	C14QT5	
13	1210090495	Dương Hữu Tiền	1993			5	Năm	C14QT5	
14	1210090490	Dương Đức Tiến	21/02/1993			4	Bốn	C14QT5	
15	1210090492	Phan Phước Tiến	02/03/1993			4	Bốn	C14QT5	
16	1210090494	Trần Lý Ngọc Tiến	04/01/1994			7	Bảy	C14QT5	
17	1210090500	Nguyễn Minh Tiêng	21/12/1994			7	Bảy	C14QT5	
18	1210090504	Hà Văn Toàn	10/07/1994			5	Năm	C14QT5	
19	1210090506	Nguyễn Minh Toàn	20/12/1992			6	Sáu	C14QT5	
20	1210090523	Bùi Thị Hồng Trang	16/02/1994			3	Ba	C14QT5	
21	1210090524	Bùi Thị Minh Trang	12/01/1994			5	Năm	C14QT5	Nợ HP
22	1210090526	Đào Thị Thảo Trang	17/06/1994			5	Năm	C14QT5	
23	1210090525	Huỳnh Thị Thùy Trang	28/03/1994			5	Năm	C14QT5	
24	1210090527	Ngô Thị Hồng Trang	25/09/1994			3	Ba	C14QT5	
25	1210090528	Nguyễn Thị Trang	05/06/1994			7	Bảy	C14QT5	
26	1210090529	Nguyễn Thị Hà Trang	20/02/1994			2	Hai	C14QT5	
27	1210090530	Nguyễn Thị Thanh Trang	03/02/1994			7	Bảy	C14QT5	
28	1210090532	Phan Thùy Trang	27/07/1994					C14QT5	Nợ HP
29	1210090522	Phạm Thị Trắng	15/04/1994			6	Sáu	C14QT5	
30	1210090511	Đặng Ngọc Trâm	19/02/1993			4	Bốn	C14QT5	
31	1210090510	Mai Phan Bảo Trâm	25/08/1994			4	Bốn	C14QT5	
32	1210090512	Nguyễn Ngọc Trâm	08/04/1993			6	Sáu	C14QT5	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210090513	Nguyễn Thị Hương	Trâm	17/09/1993			7	Bảy	C14QT5	
34	1210090516	Phùng Thị Ngọc	Trâm	20/07/1992			2	Hai	C14QT5	
35	1210090517	Trần Thị Huyền	Trâm	02/08/1994			6	Sáu	C14QT5	
36	1210090519	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	23/06/1994			5	Năm	C14QT5	
37	1210090537	Đào Đệ	Trình	15/03/1994			4	Bốn	C14QT5	
38	1210090535	Lê Nguyễn Bảo	Trình	05/06/1994			7	Bảy	C14QT5	
39	1210090536	Lê Thị Huyền	Trình	04/01/1994			6	Sáu	C14QT5	
40	1210090540	Thái Mỹ	Trình	07/04/1994			4	Bốn	C14QT5	
41	1210090541	Võ Thị Việt	Trình	28/05/1994			4	Bốn	C14QT5	
42	1210090533	Nguyễn Minh	Trí	24/12/1994			4	Bốn	C14QT5	
43	1210090544	Đoàn Cao	Trung	10/08/1994			2	Hai	C14QT5	
44	1210090545	Đoàn Đức	Trung	27/05/1991			4	Bốn	C14QT5	
45	1210090542	Lê Phan Thành	Trung	20/02/1994			2	Hai	C14QT5	
46	1210090546	Trần Văn	Trung	20/05/1994			2	Hai	C14QT5	
47	1210090547	Lê Thị Thanh	Trúc	15/10/1994			5	Năm	C14QT5	
48	1210090548	Lương Thanh	Trúc	03/08/1994			5	Năm	C14QT5	
49	1210090549	Lê Anh	Tuấn	27/03/1994			5	Năm	C14QT5	
50	1210090552	Trần Thanh	Tuấn	22/02/1994			3	Ba	C14QT5	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Quản trị tài chính(Tài chính doanh nghiệp) - 1104014

Mã lớp học phần: 110401405

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Ngày thi: 17/12/2014

Giờ thi: 07h30

Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: Minh Hiền Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Bùi Thị Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210090559	Nguyễn Thị Bích	Tuyển	15/08/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14QT5	
2	1210090561	Võ Thị Thanh	Tuyển	19/02/1993	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14QT5	
3	1210090558	Nguyễn Thị Kim	Tuyển	16/10/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14QT5	
4	1210090562	Nguyễn Thị Ánh	Tuyệt	28/10/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14QT5	
5	1210090555	Nguyễn Thị Hoàng	Tú	24/03/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT5	
6	1210090556	Nguyễn Thị Kim	Tú	30/08/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14QT5	
7	1210090557	Trần Quốc	Tú	10/11/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14QT5	
8	1210090508	Nguyễn Phước	Tường	03/09/1993	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT5	
9	1210090509	Trần Văn	Tú	28/08/1993	<u>[Signature]</u>		3	Ba	C14QT5	
10	1210090564	Nguyễn Lê	Uyên	02/10/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14QT5	
11	1210090569	Đào Thị Mộng	Vân	17/10/1993	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT5	
12	1210090568	Đặng Thảo	Vân	15/10/1993	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14QT5	
13	1210090567	Hồng Thanh	Vân	22/04/1994	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14QT5	
14	1210090570	Nguyễn Thị	Vân	06/11/1994	<u>[Signature]</u>		3	Ba	C14QT5	
15	1210090573	Nguyễn Thị Thu	Vân	20/06/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14QT5	
16	1210090574	Võ Đặng Hồng	Vân	01/10/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14QT5	
17	1210090577	Lê Chí	Vinh	15/06/1993	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14QT5	
18	1210090579	Nguyễn Phát Phú	Vinh	06/01/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14QT5	
19	1210090580	Trần Phúc	Vĩ	08/05/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT5	
20	1210090584	Nguyễn Hoàng	Vũ	26/09/1994	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14QT5	
21	1210090582	Nguyễn Hồng	Vũ	17/11/1992	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14QT5	
22	1210090585	Nguyễn Xuân	Vũ	24/05/1994	<u>[Signature]</u>		8	Tám	C14QT5	
23	1210090586	Phạm Ngọc Tấn	Vũ	07/07/1993	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14QT5	
24	1210090581	Lê Quốc	Vương	06/02/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14QT5	
25	1210090587	Lê	Vy	03/04/1993	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT5	
26	1210090589	Nguyễn Phương Thúy	Vy	28/09/1994	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14QT5	
27	1210090590	Nguyễn Thị Ngọc	Vy	18/10/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14QT5	
28	1210090591	Nguyễn Thị Yến	Vy	22/12/1994	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14QT5	Nợ HP 10498
29	1210090592	Thái Thị Thanh	Vy	23/09/1993	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14QT5	
30	1210090593	N Jan Thượng	Vỹ	05/03/1993	<u>[Signature]</u>		2	Hai	C14QT5	
31	1210090594	Liêu Thanh	Xuân	27/11/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14QT5	
32	1210090595	Trần Thị Kim	Xuyên	15/05/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14QT5	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1110090440	Hà Hải Yên	04/06/1993	<i>[Signature]</i>		6	Sáu	C14QT5	
34	1210090597	Huỳnh Xuân Yên	01/04/1994	<i>[Signature]</i>		7	Bảy	C14QT5	
35	1210090598	Lê Thị Hoàng Yên	27/10/1994	<i>[Signature]</i>		7	Bảy	C14QT5	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 35 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 35 / 35 .